TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05-3-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Néang Sâm Bô

2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Quới là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Ông Chau Pho Ly- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019, về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị H , sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Tổ 05, ấp An Nhơn, xã LP, huyện B, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ngô Văn L, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 05, ấp An Nhơn, xã LP, huyện TT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị H trình bày:

Giữa bà H và ông L có thời gian quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện về chung sống như vợ chồng từ năm 2013, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, ông L thường bạo hành, đánh đập bà H và dùng dao đe dọa giết nếu bà H ly hôn với

ông L, bà có trình báo ban ấp nhờ hòa giải và nhiều lần tha thứ nhưng ông L không sửa đổi tính tình, do không thể kéo dài tình trạng chung sống nhưng không còn tình cảm, không hạnh phúc, bà H yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Giữa bà H và ông L không có con chung, không phát sinh tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Ngô Văn L trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung thống nhất theo lời trình bày của bà H. Giữa ông L và bà H có sự quen biết tự nguyện tìm hiểu và về chung sống nhưng không đăng ký kết hôn, không có con chung và không phát sinh nợ chung. Quá trình chung sống, tuy có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong gia đình, phát sinh từ việc bà H có mối quan hệ với người khác dẫn đến việc ông ghen tuông và có đánh bà H một lần trong lúc say rượu nhưng không nhớ đánh vào đâu, ông thừa nhận có dùng dao đe dọa, ông sẽ tự tử nếu bà H ly hôn với ông, ông không có dọa giết bà H, không thường xuyên bạo hành, đánh đập như lời bà H trình bày. Ông xác định vẫn còn tình cảm và muốn tiếp tục chung sống như vợ chồng với bà Hnên ông không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung: Ông L xác định có cùng bà H góp tiền xây dựng căn nhà khung tiền chế mái tole, vách tole, lát gạch bông có chiều ngang khoảng 04 m, dài khoảng 15 m, do ông bán đôi bò được khoảng 63.000.000 đồng, góp vào cùng xây dựng căn nhà trị giá khoảng hơn 100.000.000 đồng, nhà cất trên đất của mẹ ruột bà H là Nguyễn Thị X đứng tên, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71,72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Nhận thấy bà H, ông L tự nguyện về chung sống như vợ chồng từ năm 2013 nhưng không đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý, không được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do ông L dùng vũ lực và dùng dao dọa giết bà H, nghi ngờ bà H có mối quan hệ khác bên ngoài nên thường xuyên cãi và đánh nhau, mục đích chung sống không đạt được, tình trạng mâu thuẫn này phù hợp với kết quả biên bản xác minh ngày 13/01/2020, bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 02 tháng 12 năm 2019 bà Lê Thị H có đơn yêu cầu ly hôn với ông Ngô Văn L. Ông Luận cư trú tại tổ 05, ấp An Nhơn, xã LP, huyện TT, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ chung sống như vợ chồng giữa bà H và ông L được xác lập từ năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, nhưng đến thời điểm phát sinh tranh chấp hai bên vẫn không đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý kể từ thời điểm chung sống, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Qúa trình chung sống, hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc ông L ghen tuông việc bà H có mối quan hệ khác bên ngoài, dẫn đến mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, gây ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình và ông L trong lúc say rượu có hành động đánh bà H , đồng thời có việc dùng dao đe dọa tự tử không cho bà H ly hôn, về phần bà H có cùng gia đình đánh ông L , sự việc có được ban ấp An Nhơn động viên hòa giải, nguyên nhân mâu thuẫn này phù hợp với kết quả biên bản xác minh ngày 13 tháng 01 năm 2020 và Biên bản hòa giải ngày 12/10/2019 tại Ban ấp An Nhơn, xã Lương Phi. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn trong đời sống chung giữa bà H và ông L đã trầm trọng không thể kéo dài, mục đích chung sống không đạt được, bà H yêu cầu ly hôn, mặc dù ông L kiên quyết duy trì mối quan hệ chung sống như vợ chồng do xác định còn tình cảm với bà H, nhưng quan hệ chung sống như vợ chồng giữa bà H và ông L không có giá trị pháp lý, không được pháp luật thừa nhận. Do đó, cần căn cứ vào Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị H và ông Ngô Văn L .

[3] Về con chung và nợ chung: Bà H và ông L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu giải quyết, ông L xác định có tài sản chung gồm một căn nhà khung tiền chế mái tole, vách tole, lát gạch bông có chiều ngang khoảng 04 m, dài khoảng 15 m, nguồn tiền xây dựng nhà do ông L bán đôi bò được khoảng 63.000.000 đồng góp vào cùng xây dựng căn nhà trị giá khoảng hơn 100.000.000 đồng, nhà cất trên đất của mẹ ruột bà H là Nguyễn Thị X đứng tên nhưng ông L không yêu cầu giải quyết, căn cứ theo khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự "Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó" do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Trong trường hợp có yêu cầu, đương sự có quyền nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị H và ông Ngô Văn L.

Về con chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà H xác định không có, ông L xác định không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trong trường hợp có yêu cầu, đương sự có quyền nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009555 ngày 03/12/2019 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Lê Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hừng